



PHẠM DUY (5 tháng 10 năm 1921 – 27 tháng 1 năm 2013)

Tên khai sinh Phạm Duy Cẩn là nhạc sĩ, nhạc công, ca sĩ, nhà nghiên cứu âm nhạc lớn của Việt Nam. Ông được nhiều người đánh giá là nhạc sĩ lớn nhất của nền tân nhạc Việt Nam với lượng sáng tác đồ sộ cũng như đa dạng về thể loại, trong đó có rất nhiều ca khúc trở nên kinh điển và quen thuộc với người Việt. Nhạc của ông thường sử dụng những yếu tố nền tảng của âm nhạc cổ truyền Việt Nam kết hợp với những kỹ thuật, cấu trúc của nhạc hàn lâm Tây phương, tạo nên một phong cách riêng với nhiều tác phẩm lớn có tính đột phá, giàu ảnh hưởng đối với các nhạc sĩ thuộc nhiều thế hệ.

Ông cũng là người khởi xướng, định hướng nhiều trào lưu, phong cách mới mẻ cho nền tân nhạc Việt. Ngoài sáng tác và biểu diễn, ông còn có những công trình khảo cứu về âm nhạc Việt Nam có giá trị. Ông từng giữ chức giáo sư nhạc ngữ tại Trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn. Ông còn được coi như một nhà văn với 4 tập hồi ký được giới phê bình đánh giá cao về giá trị văn học lẫn giá trị tư liệu. Với hơn 70 năm sự nghiệp, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử quan trọng của đất nước, ông được coi là "cây đại thụ" của nền âm nhạc Việt Nam. Tuy vậy bên cạnh đó, các quan điểm nhìn nhận về ông cũng khác biệt, chủ yếu là do các vấn đề chính trị.

Phạm Duy Cẩn sinh ngày 5 tháng 10 năm 1921 (5 tháng 9 (nhuận) năm Tân Dậu) tại Nhà hộ sinh số 40 Rue Takou (nay là Phố Hàng Cót), Hà Nội trong một gia đình văn nghiệp. Ít lâu sau khi ông ra đời, gia đình ông dọn từ phố Mã Mây (Rue des Pavillons Noirs - phố Quân Cờ Đen) xuống phố Hàng Dầu (Rue Felloneau), Hà Nội.

Cha ông là Phạm Duy Tồn, thường được coi như là nhà văn xã hội đầu tiên của nền Văn học Mới đầu thế kỷ XX. Anh của ông là Phạm Duy Khiêm, giáo sư – thạc sĩ, cựu Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Pháp, văn sĩ Pháp văn, tác giả những cuốn *Légendes des terres sereines*, *Nam et Sylvie*, *De Hanoi à Lacourtine*.

Về học hành chính quy, Phạm Duy chỉ có bốn năm tiểu học và một năm trung học, nhưng những bài học trong sách *Quốc văn giáo khoa thư*, *Luân lý giáo khoa thư* đã in đậm trong tâm hồn ông trước khi bước vào xã hội, hình thành cho ông quan niệm về "đức độ của con người Việt Nam" mà ông nhấn mạnh là "con người ở nông thôn", chứ không phải ở thành thị. Ông học vỡ lòng tại trường Hàng Thùng, học Tiểu học tại trường Hàng Vôi (Trường Amiral Courbet, nay là trường Nguyễn Du). Tính ông nghịch ngợm, học không giỏi, thường hay bị phạt. Đến năm 13 tuổi (1934), vào được lớp nhất, ông mới học giỏi dần, trở thành một trong những học sinh ưu tú của lớp, nhất là môn đọc thơ tiếng Pháp.

Năm 1936, sau khi thi trượt vào Trường Bưởi, ông vào học trường Trung học tư thực Thăng Long. Trong các bạn cùng lớp có Quang Dũng. Về học lực ông đứng thứ nhì trong lớp. Một năm học trung học giúp ông hấp thụ thêm những cái hay cái đẹp của nền văn chương Pháp, của Victor Hugo, André Chenier, Alfred de Vigny, Bernadin de Saint Pierre...



Nhạc sĩ Phạm Duy cùng vợ mới cưới ở chiến khu Việt Bắc, năm 1949.
Vợ ông, ca sĩ Thái Hằng, chính là người thể hiện nhiều tác phẩm của ông.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐI QUA ĐỜI PHẠM DUY

Vốn là một con người hào hoa và đa tình nên kể cả khi ở vào ngưỡng tuổi... gần 100, nhạc sĩ Phạm Duy vẫn thừa nhận rằng mình là người “nghiện yêu”, mỗi tình khúc đều liên quan đến một cuộc tình...

Ngay từ thời mới “bể tiếng”, Phạm Duy đã yêu thầm một người con gái rất đẹp và nét na tên Sâm, người tỉnh Hưng Yên. Phạm Duy đã từng viết dăm ba bức thư tình hết sức lâm ly bi đát để gửi cho người ấy. Nhưng rồi định mệnh đưa đẩy, cô Sâm nhận lời về làm vợ ông giáo Phạm Duy Nhượng (anh ruột của Phạm Duy, tác giả Tà áo Văn Quân).

Có lẽ vì “quê độ” với bà chị dâu trong hoàn cảnh thật là trớ trêu này nên Phạm Duy bỏ nhà đi “bụi”.

Nhưng chỉ một thời gian sau, khi Phạm Duy còn “hát rong” ở tận miền Nam thì ở quê nhà cô Sâm đột ngột vắn số lia đời vì bệnh thương hàn khi tuổi đời còn rất trẻ. Có lẽ đây là mối tình “lành mạnh” nhất của ông (bởi lúc đó ông còn nhỏ), nhưng những mối tình khác thì...

Trong hồi ký, ông kể: “Trong khi tôi còn vác bài Buồn tàn thu (của Văn Cao), đi lưu diễn ở trong Nam thì ở Hà Nội, chính nhờ ở giọng hát của Kim Tiêu mà những bài Thiên thai, Trương Chi của Văn Cao được nổi tiếng. Năm 1945 từ trong Nam, tôi trở ra Hà Nội. Ở phố Hàng Gai có một phòng trà lấy tên là "Thiên Thai", cái tên được đặt ra như vậy là vì tất cả dân chúng lúc đó đang ở trong tâm ảnh hưởng của bài hát rất trữ tình của Văn Cao.

Đây là nơi tôi được các nhạc sĩ Trần Quang Trường, Đỗ Lệnh Tâm và em là Đỗ Lệnh Kiên... đệm đàn cho tôi hát. Cũng tại phòng trà này, tôi lắng xê giọng hát của phái nữ hay nhất lúc đó là Thương Huyền. Nàng là người tình chớp nhoáng của tôi. Tên thật của Nàng là Thương. Tôi đặt tên cho Nàng một cách rất giản dị, theo lối đánh vần "thương huyền thương".

Tôi dạy cho Thương Huyền hát bài Trao lòng, một bài ca nhờ ở giọng hát trong trẻo của cô ca sĩ rất đa tình này mà trở thành nổi tiếng. Thương Huyền có nụ cười và hàm răng như hoa nở. Tính tình thuộc loại bạt mạng, bất cần đời.

Trong buổi họp mặt các văn nghệ sĩ tại nhà của họa sĩ Phạm Văn Đôn trên đường Halais, ở dưới nhà, người ta ngâm thơ và ca hát, ở trên lầu, bất cần mọi người, tôi và Thương Huyền yêu nhau đắm thiết. Về sau chúng tôi còn gặp lại nhau nhiều lần trong kháng chiến...

Đồng thời, tôi cũng có một cuộc sống tạm bợ với một người tình khác đang làm nghề vũ nữ ở nhà hàng khiêu vũ Tabarin tên là Định. Hà Nội lúc đó có hai vũ nữ đẹp là Định và Thơm. Cả hai đều mê nhạc sĩ. Nàng Định ở với tôi còn nàng Thơm, lai Pháp thì lấy Đỗ Thiệu, nhạc sĩ chuyên về clarinette. Vũ nữ Định đẹp một cách lộng lẫy, trông như con gái nhà lành.

Hơn thế nữa, trông như con nhà quyền quý. Cô vũ nữ có đôi bàn tay rất mong này lại là con người có tính đồng bóng. Vừa mới ngủ với người tình trong đêm, sáng ra lại trợn mắt hỏi: "Anh là ai?". Tôi soạn cho cô vũ nữ tàng tàng này một bài hát lấy tên là Tình kỹ nữ: "Đêm nay đôi người khách giang hồ. Gặp nhau tình trắng nước...". Nàng vũ nữ Định sau này chết vì bệnh ho lao trong cảnh nghèo nàn tại Sài Gòn vào năm 1960".

Trong hồi ký, Phạm Duy còn nói đến chi tiết ông được ông bà quan tri huyện nhận làm con nuôi, rồi họ nhờ ông lên vùng Nhã Nam (Yên Thế) coi sóc đồn điền. Ở đây chàng nhạc sĩ họ Phạm đã từng "dính líu" đến ít nhất là hai nàng thôn nữ: "Xin nhắc lại là khi đó tôi có hai người tình là gái quê một trăm phần trăm, mà lại là gái quê vùng Yên Thế. Trong lần trở về vùng quê cũ này, tôi chỉ gặp lại một người mà xưa kia tôi có ý định lấy làm vợ. Nàng tên là Hạ và là con gái lớn của một ông Chánh Tổng.

Cảnh làng mạc có đôi phần đổi thay, tôi hỏi thăm đường về nhà ông bố vợ hụt... Gặp lại cô gái quê, thấy nàng vẫn chưa lấy chồng, vẫn còn đẹp, vẫn quần quật lao động... Trong mấy ngày ở lại đây, tôi được hưởng những đêm ái ân nồng cháy trên ổ rơm thơm phưng phức bên người đẹp nhà nông có thân hình cứng như... gỗ lim này. Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao lúc đó tôi không ở lại Nhã Nam, lấy cô gái quê này làm vợ, trở thành một anh nông dân không tên tuổi? Âu cũng là số kiếp...".

Cuối năm 1946, Phạm Duy gia nhập Đoàn Văn nghệ Giải Phóng, đóng quân và lưu diễn từ Sơn Tây qua Vĩnh Yên tới Lào Cai. Tại đây, chỉ vì quá nể anh bạn thân là nhạc sĩ Văn Cao nên chàng từ giả đoàn (mùa hè năm 1947) để ở lại hát cho "quán Biên Thủy" của Văn Cao. Và, chàng "bất tình" (chữ của Phạm Duy) với một cô chiêu đãi viên vốn là vũ nữ ở Hà Nội, ca khúc nổi tiếng Bên cầu biên giới cũng ra đời tại đây. Cuối năm 1947, Phạm Duy và nhạc sĩ Ngọc Bích (tác giả Mộng chiều xuân) rủ nhau về Chợ Đại...

Quán Thăng Long của một gia đình nghệ sĩ...

Cuối năm 1946, có một gia đình nghệ sĩ từ Hà Nội chạy tản cư về Hà Đông, mở một quán phở kiêm quán cà phê, gọi là quán "Thăng Long" ở Chợ Đại - Cống Thần. Đó là gia đình ông Phạm Đình Phụng. Ông thích nhạc cổ còn bà (vợ sau) cũng là một ca nương nên dù chạy giặc vẫn mang đàn đi theo. Ông chơi đàn nguyệt còn bà dạo ngón đàn tranh, tỳ bà...

Ông bà có 3 người con: Phạm Thị Thái (sau này là ca sĩ Thái Hằng), Phạm Đình Chương (sau này là nhạc sĩ Phạm Đình Chương tức ca sĩ Hoài Bắc) và Phạm Thị Băng Thanh (sau này là ca sĩ Thái Thanh). Nếu kể cả 2 người con trai của bà vợ trước gồm: Phạm Đình Sĩ (bố của ca sĩ Mai Hương sau này) và Phạm Đình Viêm (tức ca sĩ Hoài Trung), thêm vào dâu, rể (nhạc sĩ Phạm Duy, ca sĩ Khánh Ngọc) và thế hệ con cháu... thì gia đình "Thăng Long" này quả là một "thê lực" trong lĩnh vực ca nhạc...

Năm ấy, cô Thái vào khoảng 20 tuổi, chẳng những hát hay mà còn biết chơi đàn guitare Hawaïenne. Tuy vậy, lúc nào nàng cũng có một vẻ buồn xa xăm... Quán Thăng Long lúc đó là

nơi hội tụ của giới văn nghệ sĩ tản cư, và cô Thái chính là đích ngắm của hàng loạt “cây si” tên tuổi: thi sĩ Huyền Kiều, thi sĩ Đinh Hùng, họa sĩ Bùi Xuân Phái, nhạc sĩ Ngọc Bích... Trước khi đi tản cư, cô Thái từng gia nhập đoàn kịch của Thế Lữ (cô Thái là cháu bà Song Kim, vợ Thế Lữ), được nhà thơ Thế Lữ đặt cho nghệ danh là Thái Hằng nên cô dùng luôn cho tới lúc lìa đời... Thế nhưng trong những người vây quanh cô Thái lúc bấy giờ lại chẳng có Phạm Duy, dù rằng anh vẫn thường đến quán Thăng Long và tham gia những “show” văn nghệ của gia đình này.

Có hôm cao hứng, anh còn nhảy lên bàn ăn, vung tay múa chân hát nhạc Văn Cao hay ngâm thơ Hoàng Cầm... Sở dĩ Phạm Duy không “mặn mà” với quán Thăng Long là bởi lúc này (năm 1948) anh đang khoải nằm trong một con đò, thả trôi bồng bềnh trên một khúc sông dài 5km của Chợ Đại - Cổng Thần ôm một người đẹp tên là Hiếu.

“Nàng thuộc vào loại đàn bà rất phóng túng của Hà Nội mấy năm trước đây, có một thân hình nở nang đẹp để không thua gì bức tượng của thần Vệ Nữ ở Milo, có đôi mắt lạng lờ và khiêu khích, có cái răng khênh rất kiêu sa và có một con tim bốc lửa. Tôi sống với nàng Hiếu trong một con thuyền nhỏ. Thuyền tình này khi thì trôi trên dòng sông Đáy, khi thì đậu ở bến chợ Đại hay bến Cổng Thần. Đêm đêm tôi giả vờ là anh Trương Chi, ôm đàn guitare, ngồi hát ở mạn thuyền. Tại đây tôi soạn bài Tiếng đàn tôi: “Mênh mông là ời. Thuyền về tới bến Mê rồi. Khoan khoan hò ời. Dặt dìu trong tiếng đàn tôi...”, Phạm Duy kể.

Vào đầu năm 1949, Phạm Duy và mấy anh em Phạm Đình Viêm, Phạm Đình Chương, Thái Hằng, Băng Thanh (tức Thái Thanh) gia nhập các ban văn nghệ quân đội của Liên khu IV, hai ông bà chủ quán Thăng Long cũng rời Chợ Đại di cư vào Thanh Hóa để được sống gần gũi các con.

Hai ông bà tới Chợ Neô, thuê lại căn nhà lá và mở một quán phở, vẫn lấy tên là quán Thăng Long... Vì là đồng đội trong đoàn văn nghệ quân đội, bản thân lại “tứ cố vô thân” nên vào những ngày nghỉ, Phạm Duy thường hay theo Phạm Đình Viêm và Thái Hằng về chơi quán Thăng Long và được bố mẹ họ coi như người nhà. Anh được ăn uống và ngủ luôn tại quán. Giường ngủ là hai cái bàn trong quán ăn kê sát nhau. Họ thường đàn đúm, ca hát với nhau suốt ngày...

Tại đây, những lúc quán vắng khách, Phạm Duy ngồi trên cái chõng tre, nhìn ra cánh đồng xanh rục nắng hay nằm dưới ánh đèn dầu để soạn lời ca tiếng Việt cho những bài Sérénade (Schubert), Plaisir d'amour, Célèbre Valse (Brahms), Back To Sorriento, Les Millions d'Arlequin... tặng hai chị em Thái Hằng, Băng Thanh...

Thực ra lúc đầu, Phạm Duy chẳng để ý gì đến Thái Hằng, dù từng nghe nàng hát, nàng đàn guitare Hawaïenne - nhưng đó là khi còn ở Chợ Đại, quanh nàng luôn vây kín những “cây si” mà nếu so với Phạm Duy thì họ thuộc hạng “đại kinh địch” nên anh chàng lảng ra để còn “bận bịu” với những mối tình bèo mây khác... Chỉ đến khi cùng sống dưới một mái nhà, cùng vui đùa ca hát và có rất nhiều thì giờ để hiểu biết nhau, Phạm Duy mới nhìn ra những tố chất của một người vợ lý tưởng qua người con gái này, nhìn lại mình cũng đã xấp xỉ tuổi 30 - cái tuổi cần phải... lấy vợ!

(Theo Dòng Đời)

Nguồn Việt Luận

Nhạc sĩ Phạm Duy với mối tình đầy tai tiếng

GiadinhNet - Vào thập kỷ 60, tại Sài Gòn, vụ ly hôn của vợ chồng cặp nghệ sĩ Phạm Đình Chương - Khánh Ngọc đã khuấy đảo báo chí, dư luận. Sự tan vỡ ấy được châm ngòi từ cuộc tình vụng trộm Khánh Ngọc và nhạc sĩ Phạm Duy (anh rể Phạm Đình Chương).

“Ngọn núi lửa” đầy mê hoặc

Từ những năm giữa thập niên 1950 đến đầu thập niên 1960, ca sĩ Khánh Ngọc, với thân hình bốc lửa, kiều diễm từng làm chao đảo nhiều văn nghệ sĩ tài danh và khán giả. Ngoài ra, bà còn là một trong những ngôi sao thuộc thế hệ đầu tiên sáng chói trong làng điện ảnh Sài Gòn trước cả Kim Cương, Thẩm Thúy Hằng, Trang Thiên Kim, Kiều Chinh...

Giọng ca trời phú cộng với ngoại hình gợi cảm, phong cách biểu diễn hút hồn đã giúp Khánh Ngọc tạo nên tiếng tăm và có cơ duyên gặp, yêu, kết hôn với nhạc sĩ Phạm Đình Chương. Bà vừa là vợ vừa là nguồn cảm hứng, là nỗi đau tột cùng...để Phạm Đình Chương sáng tác ra những ca khúc bất hủ, vang danh.



Nữ minh tinh Khánh Ngọc

Đến anh rồi cũng “trồng cây si”

Bất chấp Khánh Ngọc đã là vợ của Phạm Đình Chương (em trai ca sĩ Thái Hằng, vợ mình), Phạm Duy vẫn quyết tâm chinh phục người đẹp. Vào một buổi tối định mệnh, ông đã “bắt tại trận” cuộc tình vụng trộm của vợ tại quán chè ở Nhà Bè - Gia Định. Trời đất như sụp đổ dưới chân, Phạm Đình Chương phải nhờ bạn bè dìu quay trở lại nhà, nơi hai đứa con thơ đại đang ở nhà một mình ngóng chờ bố mẹ.

Cho dù Phạm Duy đã cầu cứu đến Bộ Thông Tin xin các báo cho ngưng bài điều tra, phóng sự nhưng “hoạ vô đơn chí”, chuyện lớn càng giấu diếm lại càng như đổ “thêm dầu vào lửa”.

Chẳng mấy chốc cả Sài Gòn đã loạn lên vì biến cố trong đại gia đình nổi tiếng về nghệ thuật. Dù vẫn còn yêu vợ và thực lòng muốn thứ tha nhưng trước dư luận sục sôi, Phạm Đình Chương đành gạt nước mắt nộp đơn ly dị lên toà án và nhận quyền nuôi các con thơ.



Đại gia đình nhạc sĩ Phạm Đình Chương

Những bản tình ca bằng nước mắt

Sau cuộc tình loạn luân đầy ngang trái giữa vợ và anh rể, Phạm Đình Chương quay về sống đơn độc, những bản tình ca bất hủ ra đời trong nước mắt và hoài niệm xót xa: “Nửa hồn thương đau”, “Đêm cuối cùng”, “Người đi qua đời tôi”, “Khi cuộc tình đã chết”, “Thuở ban đầu”, “Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển”...

Một đêm mưa tầm tã ở Sài Gòn, ông tình cờ gặp lại vợ sau ánh đèn sân khấu, ông có ý muốn đưa Khánh Ngọc trở về nhà nhưng sự ngại ngùng không dám đối diện trước chồng đã khiến Khánh Ngọc cất lời từ chối. Những ngày tháng ấy với Phạm Đình Chương là chuỗi tuyệt vọng, ông viết trong “Nửa hồn thương đau:

*"Nhắm mắt chỉ thấy một chân trời tím ngắt
Chỉ thấy lòng nhớ nhưng chất ngắt
Và tiếng hát
Và nước mắt..."*

Sau này, cuộc tình tay ba đã rẽ làm ba ngã. Phạm Duy rời phương trời cũ, tiếp tục sáng tác và có thêm nhiều mối tình dang dở. Nhạc sĩ Phạm Đình Chương cũng qua đời trong cô độc. Và nữ danh ca Khánh Ngọc, “ngọn núi lửa” rực cháy một thời đã kề vai bên người chồng mới với hai đứa con và một vết thương sâu nặng mãi trong lòng.

Tái hiện chuyện ‘tình mẹ duyên con’ của nhạc sĩ Phạm Duy

Chàng nhạc sĩ “hát rong” Phạm Duy yêu một người con gái Hà Nội khi ông còn đôi mươi, nhưng chuyện tình của ông không có hồi kết. Mãi đến sau năm 1954, ông biết người mình yêu thương đã vào Sài Gòn sống với con gái. Thế rồi nhạc sĩ đã không thể kèm lòng tim đến thăm người xưa. Song, người phụ nữ ấy lúc bấy giờ luôn giữ khoảng cách với ông.

Có một điều lạ lùng đã xảy ra, chính tình cảm chân thành của nhạc sĩ Phạm Duy dành cho người phụ nữ ấy đã làm rung động trái tim cô con gái nhỏ của người ông yêu. Tình mẹ lại hóa duyên con và cô gái ấy tên là Lê Lan chỉ mới gần đôi mươi, say mê thơ ca. Những vần thơ ngọt ngào, lãng mạn nhưng kín đáo của cô gái được gởi đến nhạc sĩ Phạm Duy ngay sau đó.

Chính nhạc sĩ gọi đây là mối tình thơ- nhạc của đời mình. Đã có khoảng 300 bài thơ trong suốt 10 năm yêu nhau Lê Lan viết cho Phạm Duy và ông cũng dành tặng “nàng thơ” của mình chừng 40 ca khúc, tiêu biểu là *Ngày đó chúng mình*, *Tôi đang mơ giấc mộng dài*.



Nhạc sĩ Phạm Duy thời trẻ. ẢNH: TL

Phạm Duy và Văn Cao

Phạm Duy là người đầu tiên đem ca khúc "Buồn tàn thu" của Văn Cao đi khắp mọi miền đất nước. Nhưng hai người thường được biết đến như là một đôi bạn thân thiết, có một tình bạn kéo dài nửa thế kỷ, dù đi theo hai con đường đối lập nhau. Hai người quen nhau tại Hải Phòng năm 1944. Trong hồi ký của mình, Phạm Duy tả về Văn Cao:

"Thấp bé hơn tôi, khép kín hơn tôi, nhưng Văn Cao tài hoa hơn tôi nhiều. Chắc chắn là đứng đắn hơn tôi. Lúc mới gặp nhau, anh ta chưa dám mảy-mao với tôi, nhưng tôi thì có cái tật thích nói văng mạng (và văng tục) từ lâu, kết cục, cu cậu cũng theo tôi mà xô chữ nho. Nhưng Văn Cao bản tính lắm lý, ít nói, khi nói thì bàn tay gầy gò luôn luôn múa trước mặt người nghe. Anh ta thích hút thuốc Lào từ khi còn trẻ, có lần say thuốc ngã vào tay tôi. Về sau, anh còn nghiện rượu rất nặng."

Hai người trở thành đôi bạn thân, thường giúp nhau sáng tác nhạc (bài "Suối mơ", bài "Bến xuân" là hai người sáng tác chung) và ra vào những chốn ăn chơi, sau đó còn rủ nhau theo kháng chiến.

Đến năm 1949, Phạm Duy dinh tề về Nam còn Văn Cao ở lại với cách mạng. Bị cấm liên lạc từ đó đến 1987, khi Phạm Duy ở Hoa Kỳ, Văn Cao ở Việt Nam, họ mới liên lạc với nhau được bằng thư tay, qua một số người Việt kiều. Hai người vẫn xưng hô mày, tao như hồi xưa. Sau này vợ chồng Phạm Duy và vợ chồng Văn Cao còn được nghe giọng nói, xem cử chỉ của nhau bằng tin nhắn qua băng video do cô Nam Trân, một phóng viên truyền hình ở hải ngoại giúp đỡ.

Ngoài ra, ban điện ảnh của đài BBC ở Luân Đôn còn định thực hiện một phim về Văn Cao - Phạm Duy, mà họ gọi là hai chàng Lưu - Nguyễn thời nay, lấy cảm hứng từ bài hát "Thiên Thai". Nhưng lúc này Phạm Duy đang bị cầm rất gắt tại Việt Nam, rồi Trịnh Công Sơn đã được mời thay Phạm Duy đóng phim này.

Năm 1995 Văn Cao mất, nhưng phải đến 2001 Phạm Duy mới viếng mộ được. Trong lần đầu trở lại quê hương, ông đã cầm một chai rượu rưới lên khắp mộ người bạn chí cốt

“Kỳ phùng địch thủ” của Văn Cao

“Trong thời gian ở Hải Phòng... tôi có may mắn gặp một người bạn. Người đó là Văn Cao” Nhạc sĩ huyền thoại Phạm Duy khi đó mới chập chững vào nghề, còn Văn Cao đã nổi tiếng. Văn Cao khuyên thật lòng:

“Thế mạnh của mày là ở dân ca. Hãy khai thác và đưa chất liệu dân ca vào những sáng tác. Tao tin mày sẽ thành công. Cần tìm cho mình một con đường, một phong cách riêng...”

Được truyền động lực, Phạm Duy ra sức sáng tác. Giống như từ “đồng âm” mà Đen Vâu hay nói, hai người chính là đồng âm của nhau.

Văn Cao cầm kỳ thi họa thì đã giỏi 3 món, đánh võ bắn súng gì cũng nghề, cực kỳ bá đạo, lại là một thanh niên nghiêm túc đúng nghĩa. Có điều chơi với Phạm Duy một hồi thì Văn Cao cũng... nhiễm luôn tính của bạn:

"Lúc mới gặp nhau, anh ta chưa dám mày-tao với tôi, nhưng tôi thì có cái tật thích nói văng mạng từ lâu, kết cục, cu cậu cũng theo tôi mà xỏ chữ nho. Nhưng Văn Cao bản tính lắm lý, ít nói, khi nói thì bàn tay gầy gò luôn luôn múa trước mặt người nghe. Anh ta thích hút thuốc lào từ khi còn trẻ, có lần say thuốc ngã vào tay tôi. Về sau, anh còn nghiện rượu rất nặng."

Phạm Duy rất sát gái, còn Văn Cao cực kỳ... nhát gái. Phạm Duy kể lại:

"Đỗ Hữu Ích có một cô em gái rất đẹp tên là Yến mà chắc chắn Văn Cao phải mê. Như tôi đã mê. Trong một buổi cả nhà đi lánh bom máy bay Mỹ ở ngoại ô, tôi đã leo vào nhà Đỗ Hữu Ích để ăn cắp tấm ảnh và cái áo lót của cô em gái. Đem tấm ảnh vào tới Sài Gòn, Cà Mau rồi đem ra Hà Nội. Nếu không lâm vào cảnh phải chạy giặc tối thiểu cũng là bốn lần thì chắc chắn tấm ảnh này chưa bị thất lạc."

Phạm Duy tuyên bố rằng:

"Nếu tớ mà không tán đổ em Yến thì tớ sẽ không còn tên là Phạm Duy Cần nữa"

Nhìn lại người bạn thân, ông nói:

"Khi kết bạn với Văn Cao ở Hải Phòng vào năm 1944, tôi đã có nhiều kinh nghiệm về tình rồi nhưng tôi thấy Văn Cao lúc đó rất cô độc, không có một thứ nhân tình, nhân ngãi nào cả! Tôi không tỏ tình với Yến bởi vì tôi đang có người tình là cô đào chính trong gánh hát.

Văn Cao không dám tỏ tình với Yến chắc chắn vì tính nhát gái. Văn Cao lúc còn trẻ là người chừng mực. Ít khi anh chàng chịu theo tôi trong những cuộc chơi. Tôi ngờ rằng những bản nhạc tình đầu tiên của Văn Cao soạn ra là mối tình câm lặng đối với Đỗ Thị Yến."

Thế nhưng, cũng vì đào hoa quá, Phạm Duy đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng là... mê cả cô nhân viên xinh đẹp trong lực lượng điều tra của Văn Cao. Sự việc này khiến Văn Cao đuổi anh bạn thân của mình đi. Từ đó, hai người cũng ít qua lại và không còn dịp gặp nhau. Ngoài việc là bạn thân, đồng âm, Phạm Duy xem Văn Cao là kỳ phùng địch thủ, là mục tiêu chính để mình hoàn thiện khả năng âm nhạc lên mức bậc thầy.

Hoàn cảnh sáng tác và cảm nhận về ca khúc “Tình Ca” (Phạm Duy)

“Tôi yêu tiếng nước tôi...”

Nếu định mệnh mang đến cho âm nhạc Trịnh Công Sơn giọng hát trầm khàn và diễm đạm của Khánh Ly, thì định mệnh cũng hào phóng với Phạm Duy khi đưa đến cho âm nhạc của ông tiếng hát vượt thời gian Thái Thanh.

Có thể rằng nếu không có Thái Thanh thì Phạm Duy vẫn là một nhạc sĩ tiếng tăm, nhưng cũng phải thừa nhận rằng nếu không phải là giọng hát của nữ danh ca Thái Thanh thì khó có ai khác có thể làm thăng hoa hết được những rung cảm sâu lắng, cuộn trào như suối nguồn của ca từ, giai điệu và truyền tải hết những tâm tư và nguyện vọng lớn lao mà nhạc sĩ Phạm Duy gửi gắm trong đó. Tiêu biểu trong số đó phải kể đến nhạc phẩm Tình Ca. Đây là một sáng tác được nhạc sĩ Phạm Duy viết từ năm 1953, với mơ ước lớn lao là gắn kết tình cảm của con dân nước Việt về cùng một mối, như lời chia sẻ của ông trong hồi ký: “Sau khi tung ra Tình Hoài Hương, tôi có ngay bài Tình Ca xưng tụng tiếng nói, cảnh vật và con người Việt Nam.

Mùa Xuân năm đó, trong gian phòng bốn thước vuông ở căn nhà gỗ ngõ Phan Thanh Giản, tôi vừa bế con (Phạm Duy Minh mới ra đời) vừa hát:

*“Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi
Mẹ hiền ru những câu xa vời, à à ơi tiếng ru muôn đời...”*

Bài Tình Ca này không còn thẳng băng ruột ngựa như những bài ca kháng chiến trước đây. Bây giờ nó muốn gắn bó tất cả người dân trong nước bằng một tình cảm thống nhất: tôi yêu tiếng nước tôi, yêu đất nước tôi, yêu người nước tôi. Thật là may mắn cho tôi là nói lên được phần nào bản sắc quốc gia (identité nationale) qua bản Tình Ca này.

Đó là 200 năm phân tranh giữa hai miền Đàng Ngoài – Đàng Trong. Trong khoảng từ những năm 1600 cho tới 1800, người trong nước khó có được sự đồng nhất quốc gia. Đàng Ngoài, sĩ phu Bắc Hà không có thời gian và phương tiện để tìm hiểu bờ cõi giang sơn mỗi ngày một thêm bành trướng với cuộc Nam Tiến. Đàng Trong, sĩ phu bận bịu với những lo toan kiến thiết ở địa phương. Miền nào kẻ sĩ phải phục vụ vua quan của miền đó. Tuy là một nước nhưng có hai bộ máy chính trị và văn hoá. Do đó, chưa hề có tác phẩm nào nói lên được một ý thức quốc gia toàn diện. Tới khi nhà Nguyễn thống nhất sơn hà và đất nước mở rộng hơn nữa về phía Nam, trong khoảng 50 năm ngắn ngủi, các nhà nho của triều Nguyễn chưa kịp đưa ra một hình ảnh quốc gia trọn vẹn nhất thể, nhất tề, nhất trí thì người Pháp tới xâm lăng Việt Nam. Trong 80 năm nô lệ sau đó, bản sắc quốc gia trong văn học nghệ thuật Việt Nam chưa kịp hình thành thì bị xé nát bởi chính sách chia để trị của Pháp, cố tình đề cao sự khác biệt giữa ba miền và giữa những người dân trong một nước, khiến ta mất đi ý niệm quốc gia đồng nhất. Khi có những phong trào phục quốc như Cần Vương, Văn Thân... ý thức quốc gia vẫn còn mang ý niệm bảo hoàng, phong kiến.

Định mệnh khiến cho tôi, một cá nhân tầm thường, qua một bản Tình Ca ngắn ngủi, đưa ra khái niệm con người Việt Nam với địa dư, lịch sử và tiếng nói chung của một dân tộc đã từng chia sẻ với nhau trên vài ngàn năm lẻ. Tôi làm được việc này vì tôi có may mắn được đi ngang đi dọc nhiều lần trên bản đồ hình chữ S, gặp gỡ đủ mọi hạng người trong xã hội, nhất là được sống với những nổi trôi của lịch sử từ thời thơ ấu qua thời vào đời tới thời cách mạng kháng chiến.

Bài Tình Ca được mọi người yêu thích ngay. Nó nói tới quê hương đất nước nhưng cũng nói luôn tới tiếng nói và con người nữa. Là bài hát tình ca quê hương nhưng nó còn là bài hát tình tự dân tộc”. Cái hay, cái tài của Phạm Duy là suối nguồn âm nhạc trong ông luôn tuôn trào trong sự sắp đặt tinh táo và khéo léo. Trong bản Tình Ca của mình, nhạc sĩ chủ ý phân chia ca khúc thành 3 phần rõ rệt: “Tôi yêu tiếng nước tôi, yêu đất nước tôi và yêu người nước tôi” như lời chia sẻ phía trên của ông. Bởi đó chính là 3 thứ bản sắc cốt lõi của dân tộc Việt, không trùng lặp với bất kỳ quốc gia, dân tộc nào. Và với người Việt, tình yêu quê hương, xứ sở chắc chắn được khơi gợi chỉ từ những điều giản dị, cơ bản như vậy. Tình yêu đó hình thành từ trong vô thức, trong sâu thẳm trái tim mỗi người ngay từ khi cất tiếng khóc chào đời, thấm thấu ngay từ những lời ru đầu đời của mẹ: Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi Mẹ hiền ru những câu xa vời À à ơi ! Tiếng ru muôn đời Từ thuở xa xưa cho đến tận ngày nay, bất kỳ người con Việt nào cũng đều được nuôi dưỡng lớn lên từ lời ru của những người bà, người mẹ. Những thanh âm ngọt ngào, dịu dàng, trầm bổng của lời ru đưa con trẻ

vào những giấc mơ an lành, hạnh phúc. Những lời ru ấy đôi khi thật khó hiểu, mơ hồ và xa vời với tâm hồn non nớt của trẻ thơ nhưng bất kỳ đứa trẻ nào cũng muốn được nghe, được ru để được êm êm chìm trôi trong miền tưởng tượng, trong những giấc mơ bay bổng thơ ngây. Những lời ru ấy hoà vào dòng lịch sử, hoà vào tiếng gọi, tiếng nói của non sông:

Tiếng nước tôi! Bốn ngàn năm rồng rã buồn vui

Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ời

Tiếng nước tôi ! Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi

Thoắt nghìn năm thành tiếng lòng tôi, nước ời

Tình yêu với quê hương đất nước thể hiện sâu sắc hơn bao giờ hết với tình yêu tiếng nói, câu chữ của cha ông từ thuở sơ khai lập quốc. Đó là những trang sử dài suốt 4 ngàn năm, là những áng thơ văn “khóc cười theo mệnh nước nổi trôi”, là tiếng nói mẹ cha ban tặng từ thuở nằm nôi.

Tất cả những tiếng nói ấy vang vọng về từ quá khứ hoà quyện với tiếng nói của hiện tại và cùng hướng tới những thanh âm tươi đẹp trong tương lai.

Tôi yêu tiếng ngang trời

Những câu hò giã gạo không nguôi

Nhớ nhung hoài mảnh tình xa xôi

Vững tin vào mộng đẹp ngày mai

Trong dòng chảy văn hoá Việt từ xa xưa, thơ ca dân gian là một mảng văn hoá rất lớn chứa đựng cả tâm hồn, tâm tính, truyền thống,.. của dân tộc. Ấy là những bài ca dao, tục ngữ, điệu hò câu hát, những bài đồng dao, những câu chuyện kể dân gian,... Tất cả đều là những thứ “tiếng ngang trời” chẳng cần biết xuất xứ, tác giả. Mỗi người mỗi câu mỗi tiếng cứ thế mà thêm thắt, ca tụng, truyền kể lâu dần rồi thành bài thành điệu, thành tài sản chung của cả dân tộc. Khối tài sản to lớn ấy cứ lớn dần lớn mãi và thấm đẫm trong tâm hồn, máu thịt của người Việt.

Với âm nhạc của mình, nhạc sĩ Phạm Duy cũng không quên thả vào đó những âm điệu, hình ảnh của các thể điệu thơ ca dân gian, khiến nhạc phẩm trở nên dung dị, gần gũi, đầy chất tự sự, gắn kết chặt chẽ với tâm hồn người Việt.

Một yêu cầu hát Truyện Kiều Lãng lơ như tiếng sáo diều làng ta

Và yêu cô gái bên nhà Miệng xinh ăn nói thật thà có duyên...

Sự yêu thương, xưng tụng phủ tràn lên tất cả những nét văn hoá đáng yêu, đáng quý của người Việt, yêu từ danh tác nổi tiếng là Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du yêu đến cái nét duyên ăn nói thật thà của cô gái bên nhà, yêu tất cả những “tiếng nói” làm nên tâm hồn, con người và văn hoá Việt. Thật hiếm có nhạc phẩm nào viết về tình yêu quê hương xứ sở mà cái chữ “yêu” lại được thốt ra tự nhiên, nâng niu, triu mến và xuất hiện với tần suất dày đặc như thế. Với mỗi dân tộc, giữ được tiếng nói, giữ được chữ viết thì sẽ giữ được bản sắc văn hoá. Bởi đó là thứ duy nhất có thể phản ánh chân thực nhất nền văn hoá của một dân tộc, là sợi dây kết nối và lưu giữ truyền thống văn hoá qua nhiều thế hệ. Và có lẽ đây cũng chính là lý do nhạc sĩ Phạm Duy chọn đưa “tiếng nói” của quê hương xứ sở lên thành chủ đề đầu tiên để xưng tụng.

Bước qua phần lời thứ 2, nhạc sĩ Phạm Duy chuyển qua xưng tụng cảnh vật quê hương đất nước:

Tôi yêu đất nước tôi, nằm phơi phơi bên bờ biển xanh

Ruộng đồng vun sóng ra Thái Bình Nhìn trùng dương hát câu no lành

Đất nước tôi! Dãy Trường Sơn ẩn bóng hoàng hôn

Đất miền Tây chờ sức người vượn, đất ời Đất nước tôi!

Núi rừng cao miền Bắc lửa thiêng

Lúa miền Nam chờ gió mùa lên, lúa ời

Tôi yêu những sông trường

**Biết ái tình ở dòng sông Hương
Sống no đầy là nhờ Cửa Long
Máu sông Hồng đỏ vì chờ mong**

Những hình ảnh ruộng đồng, núi đồi, sông ngòi lần lượt được hát lên, tạo thành một dải nối kết trùng điệp vươn dài từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc, từ núi rừng xuống đồng bằng, từ ruộng đồng vươn ra biển lớn. Tất cả những địa danh thân thương, quen thuộc của quê hương đất nước đều như cất lời ca, hoà vang chung khúc nhạc đại đồng.

Trong khúc nhạc hoà ca ấy, thấp thoáng tình yêu và tâm hồn Việt trong mỗi dòng sông, dãy núi, dải ruộng đồng và cả khát vọng kết nối, thấu hiểu yêu thương nhau từ khắp mọi miền Bắc Trung Nam:

**Người yêu thế giới mịt mù
Cùng tôi ôm ấp ruộng đồng Việt Nam
Làm sao chấp cánh chim ngàn
Nhìn Trung Nam Bắc kết hàng mến nhau**

Vào thời điểm những năm 1940 của thế kỷ trước, nhạc sĩ Phạm Duy trong vai một người du ca đã đi khắp mọi miền từ quê nghèo lên tới thành thị, từ Bắc vô Nam qua Trung. Ông có lẽ là một trong những người hiếm hoi có cơ hội trải nghiệm và thấu hiểu được tình yêu và tâm hồn Việt, dù ở đâu cũng đều giống nhau, chung tụ một mối vậy nên ông nuôi dưỡng khát khao mọi người cũng yêu thương nhau, thấu hiểu nhau như ông không phân biệt Bắc Trung Nam. Chính từ khát khao cháy bỏng đó, ông viết Tình Ca như một lời hiệu triệu. Lời hiệu triệu không sáo rỗng, hô hào mà đầy chất tự sự, tâm tư của một người con mang trong mình tình yêu trịnh nguyên, không bao giờ đổi dời với non sông đất nước.

Phần thứ hai kết lại bằng một câu hỏi trầm buồn, sâu lắng, ấp ủ nhiều hoài vọng:

**“Làm sao chấp cánh chim ngàn,
nhìn Trung Nam Bắc kết hàng mến nhau”**

Ở phần sau cùng, nhạc sĩ Phạm Duy hoàn thành khúc Tình Ca của mình bằng việc thể hiện tình yêu với đồng bào, nòi giống con dân Việt.

**Tôi yêu bác nông phu, đội sương nắng bên bờ ruộng sâu
Vài ngàn năm đứng trên đất nghèo
Mình đồng da sắt không phai màu
Tắm áo nâu những mẹ quê chỉ biết cần lao
Những trẻ quê bạn với đàn trâu, bé ơi
Tắm áo nâu! Rướn mình đi từ cội rừng sâu
Dắt dìu nhau vào đến Cà Mau, áo ơi
Tôi yêu biết bao người Lý, Lê, Trần... và còn ai nữa
Những anh hùng của thời xa xưa
Những anh hùng của một ngày mai**

Suốt chiều dài lịch sử của dân tộc cho đến thời điểm nhạc sĩ Phạm Duy sáng tác ca khúc vào năm 1953, Việt Nam vẫn là một đất nước thuần nông với hình ảnh tiêu biểu nhất là người nông phu. Không phải là ai khác mà chính những người nông phu “mình đồng da sắt”, “đội sương nắng bên bờ ruộng sâu” suốt “vài ngàn năm đứng trên đất nghèo” để gìn giữ và nuôi lớn đất nước từng ngày, dẫu kinh qua bao đau thương, khói lửa. Từng lời hát nhấn nhá, ngân nga như những thước phim chiếu chậm kéo người nghe hồi tưởng về hành trình dựng nước, giữ nước, mở rộng bờ cõi của ông cha qua bao thế hệ.

Cái cách nhạc sĩ Phạm Duy kể về lịch sử, về nòi giống, quê cha đất tổ vô cùng khác biệt. Đó không phải là những câu chuyện lịch sử hào hùng, những chiến tích vang rền, khí khái mà là sự xót xa, tha thiết, đầy yêu thương, là tình cảm kết nối thiêng liêng, là sự biết ơn vô ngần với

những thế hệ đi trước, biết ơn hết thầy từ bác nông phu tần tảo trên đất nghèo đến những tấm áo nâu dất dùi nhau đi khai hoang mở cõi, đến những người anh hùng đã hoặc sẽ ngã xuống cho hôm nay và mai sau.

Vì yêu, yêu nước, yêu nòi

Ngày Xuân tôi hát nên bài tình ca

Ruộng xanh tươi tốt quê nhà

Lòng tôi đã nở như là đoá hoa...

Ở nhạc phẩm này, có thể dễ dàng nhận thấy Thái Thanh đã nâng ca khúc của nhạc sĩ Phạm Duy lên một tầm cao hơn. Lời hát khi thì nỉ non, dịu dịu, ngọt ngào, da diết như lời ru của mẹ, khi vang vọng, cao vút, thanh thoát như tiếng gọi của hồn thiêng non sông đất nước. Từng lời hát cất lên mỗi câu mỗi chữ đều ngân lên những rung cảm dạt dào, thấu suốt hết mọi tâm tư, tình cảm của những người con Việt Nam.

PHẠM DUY và CHIẾC CẦU BIÊN GIỚI.

Chiếc cầu biên giới mà ông viết ở trong bài, chính là chiếc cầu Trung Việt. Ông kể lại: Bài này là một trong những bản nhạc tình hiếm hoi của thời đó, cho nên nó nhanh chóng được phổ biến một cách rộng rãi. Bên Cầu Biên Giới được soạn ra trong đầu, lúc tôi ôm một vũ nữ kiêm tình báo viên vào lòng, và đứng trên chiếc cầu này để viễn mơ. Tôi thêm được vượt biên giới để ra đi, để được sống bên người đẹp Tô Châu, hay chết bên bờ sông Danube, dẫu rằng lúc ấy, tôi vẫn còn đang trong đội ngũ kháng chiến, dẫu rằng lúc ấy, tôi vẫn luôn nghĩ về một vùng đau thương chốn quê cũ làng xưa.

Ban đầu, tôi chỉ nghĩ đó sẽ là một tình khúc: có anh, có em, có dòng nước lũ, có nắng ngừng trên chiếc cầu biên giới nhưng mãi về sau, tôi mới thấy rõ ra hơn, đó là bài hát nói về biên giới trong lòng người, giữa hận thù và tình yêu, giữa chiến tranh và hòa bình, giữa cái xấu và cái tốt, mà anh nghệ sĩ trẻ tuổi, thơ ngây, là tôi, luôn mơ ước phá vỡ nó đi.

BÊN CẦU BIÊN GIỚI

1.

Ngừng đây soi bóng bên dòng nước lũ

Cầu cao nghiêng dốc trên dòng sông sâu

Sầu vương theo sóng xuôi về cuối trời

Một vùng đau thương chốn làng cũ quê xưa

Chỉ đọc lên thôi, chưa cần đến giai điệu, thì lời của ca khúc cũng đã thơ lắm rồi, cũng đã rất nhiều hình ảnh mộng mơ và lãng mạn lắm rồi.

Đứng trên chiếc cầu cao, hai bên cầu nghiêng dốc xuống, phía dưới là dòng sông sâu nước lũ, thì soi bóng ở đây sẽ là soi bóng ai? Tôi không nghĩ là soi bóng cặp tình nhân. Vì soi làm sao được khi dòng nước đang chảy xiết đến thế. Tôi nghĩ nhiều hơn đến ánh cuối chiều, bóng hắt hoàng hôn.

Ngay cả ngữ động từ “ngừng lại” cũng khiến tôi có một cảm xúc khó tả. Ngừng lại để rồi đi tiếp, hay ngừng lại để quay trở lui? Và đó chính là tâm trạng phải lựa chọn của tác giả lúc ấy. Muốn đi tiếp vì giấc mộng giang hồ viễn du luôn luôn, thường trực trong tâm hồn của một người nghệ sĩ. Nhưng chân lại không đành vì dẫu sao cũng vẫn còn nặng gánh trách nhiệm của người trai với sông núi, nước non.

Ước mơ, vì thế, cứ theo dòng nước xuôi về cuối trời. Và nỗi sầu vương về chốn làng cũ quê xưa, một vùng đau thương, lại chính là niềm neo giữ lại.

Người ta thường nói, với tâm hồn nhạy cảm, người nghệ sĩ, trong những khoảnh khắc đặc biệt, đôi lúc, trở thành nhà tiên tri. Nơi chiếc cầu biên giới này, có phải chăng, Phạm Duy đã hình dung ra, bảy năm sau, tại vĩ tuyến mười bảy, chiếc cầu biên giới thứ hai được hình

thành, cầu Hiền Lương, không ngăn biên giới nước này với nước kia, mà ngăn miền Bắc với miền Nam nước Việt.

Trên cầu nhìn xuống, nước thì lữ, sông thì sâu, sầu thì đầy, lòng người thì, khôn nguôi một nỗi buồn cổ xứ, lạng lẽ soi chính mình, bản lai diện mục.

2.

Người đi chưa hết hương sầu lữ thứ

Hồn theo cánh gió quên tình xa xưa

Tuổi xanh như lá thu rụng cuối mùa

Mộng về đêm đêm khát vầng trăng ngáy thơ

Đều đặn, nhịp nhàng, nâng lên ngân nga rồi trải buông nhẹ xuống, trầm bổng dặt dìu, nếu không biết đây là lời của một bài ca, thì chắc chắn, tôi sẽ nghĩ đó là một bài thơ.

Người đi ở đây là ai? Còn ai nữa nếu không phải là tác giả. Tác giả đã đi, từng đi, và vẫn đang tiếp tục đi, chưa dừng gót. Đi thì chưa hết được con đường mang hương sầu lữ thứ, vậy mà xem ra, tâm hồn đã chùng như, ít nhiều phai lợt, như phai lợt tình xưa, từng gốc đa bến nước. Người nghệ sĩ, thì vẫn thường như vậy đó, “mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây” (Cảm Xúc - Xuân Diệu), nên Phạm Duy, cũng chẳng thể khác hơn, ông rồi sẽ như cánh gió kia, mà bỏ lại sau lưng, tháng ngày dẫu ái.

Tuổi xanh rồi sẽ qua nhanh, và như lá vàng thu, là tả rụng cuối mùa, để giấc mộng về đêm đêm, khao khát mãi, khao khát hoài, biết làm sao hơn, đành gọi lại ước mơ một đời, lên vầng trăng ngáy thơ, non trẻ.

3.

Em đến bên tôi, một chiều khi nắng phai rồi

Nắng ngừng bên chiếc cầu biên giới

Xa xa thoáng đàn trầm vô tư

Đâu đây dáng huyền đèn duyên xưa

Cảnh thơ nào mà không có người thơ, người thơ ấy chính là “em đến bên tôi” của tác giả. Và đôi tình nhân đang đứng trên chiếc cầu trong một chiều nắng phai.

Nắng phai nghĩa là nắng nhạt màu. Nhạt như đời nhạt, nhạt như giấc mơ nhạt, nhạt như khát vọng nhạt, nhạt như cuộc tình nhạt, có phải thế không?

Nắng nhạt ấy đột ngột ngừng lại, không phai nữa, không nhòe nữa. Nắng ngừng.

Nắng ngừng vì nắng cũng như người, lưỡng lự. Trong vô thức, cũ và mới, hôm nay và ngày mai, vẫn khiến người nghệ sĩ quá chùng là băn khoăn, là phân vân, khó lòng chọn lựa. Bên này là tiếng đàn vô tư của chàng nhạc sĩ dấn thân, bên kia là dáng huyền, là những mối duyên tơ.

**

4.

Bên cầu biên giới

Tôi lặng nghe dòng đời

Từ từ trôi, sông nước xa xôi

Mây núi khắp nơi, không tỏ một đôi lời

Trong phút giây lắng lòng, người nghệ sĩ lặng yên nghe lại dòng đời, dòng đời như dòng sông, đang từ từ trôi, theo nước về miền xa xôi.

Mây núi giăng giăng, khắp nơi, cảnh cùng người, chìm đắm trong lặng yên, vơi vơi, mệnh mang. Lời biệt ly, trong phút giây này, thật khó mà cất lên, tạ từ, lần cuối.

Vì sao ư? Là bởi vì, nơi đây, chính là “bên cầu biên giới”, là nơi phân cách, ngăn chia, rạch ròi đất đai, con người. Đang một, bỗng hóa thành hai.

Biên giới, nào chỉ phân chia lãnh thổ. Biên giới, còn là nơi phân chia lòng người, bên đó, bên đây!

5.

Ôi giấc mơ qua, mộng đời phiêu lãng giang hồ

Sống trong lòng người đẹp Tô Châu

Hay là chết bên dòng sông Danube

Những đêm sáng sao

Chàng nhạc sĩ trong phút giây ngừng lại bên cầu, bỗng nhận ra hai bờ thực mộng. Tác giả bừng giấc, và thốt tiếng bi ai - ôi.

Ôi, giấc mơ đã qua rồi, một giấc mơ thật đẹp của đời phiêu lãng giang hồ. Đó là một cuộc đời rất đáng để nhớ, để không hối tiếc. Sống, thì sống trong lòng người đẹp Tô Châu, đến lúc chết, lại được chết cạnh dòng Danube xanh trong, rười rượi dài bờ trái.

Trong phút giây sau cùng ấy, ngược lên, thấy đêm cuối của mình, một trời sao rực chiếu!

6.

Nhưng đường quá xa vời

Hương trời vẫn mê mãi

Lòng tôi sao vẫn còn biên giới

Lòng tôi sao vẫn ngừng nơi đây

Oái oăm thay, giữa giấc mơ và thực tại vẫn là một khoảng cách rất lớn, chẳng làm sao mà xóa nhòa được. Khoảng cách ấy, mênh mông, vô cùng vô tận, và được phân chia bởi “cầu biên giới”.

Tác giả thú nhận, đường đi đến giấc mơ - hay nói khác đi, giấc mộng giang hồ của ông - quá xa vời. Và hương sâu, hương trời, cứ còn hoài, ngút ngàn nơi lòng, trong mê mãi bước chân. Tôi và nắng, vẫn phải đành ngừng bước lại ở đây, Bên Cầu Biên Giới này.

Có những phân chia rạch ròi, nhìn thấy được như chiếc cầu biên giới Lào Cai, vạch ranh giới đất đai giữa hai đất nước; chia biên cương, lãnh thổ giữa hai non sông. Nhưng cũng có những đường ranh phân chia không nhìn thấy được, đó là những đường ranh ẩn giấu trong lòng người.

Đứng bên em, bên dòng tóc êm đềm, bên bề mặt đắm chìm, tác giả từng mơ, sống, thì phải được sống trong lòng người đẹp Tô Châu; mà chết, thì phải được chết bên dòng sông Danube, mới xứng đáng với đời một nghệ sĩ giang hồ.

Nhưng rất nhanh, giấc mơ tan, tác giả ngỡ ngàng nhận ra, mộng dầu bèn đến mấy, thì cũng sẽ rồi qua, để trở lại những tháng ngày phong sương. Nếu có còn lại chẳng, thì cũng chỉ là đôi ba niềm thương nhớ.

Từ chiếc cầu biên giới ở Lào Cai, Phạm Duy di cư vào Nam và sau đó, ông qua Hoa Kỳ. Ba mươi năm sau, Phạm Duy trở về quê hương và mất tại Việt Nam ngày 27.01.2013, thọ chín mươi một tuổi.

Tôi cũng không rõ, chiếc cầu biên giới ở Lào Cai mà tác giả từng có lần qua, vào năm 1947 ấy, nay có còn không. Có thể còn, có thể không.

Nhưng tôi tin, Bên Cầu Biên Giới của một Phạm Duy tài hoa rất mực, sẽ còn mãi với thời gian. Ca khúc, tính đến nay cũng đã được bảy mươi bảy tuổi rồi.

NGUỒN TỔNG HỢP ONLINE